

Ý nghĩa của minh chú Om Ma-Ni Pad-Me Hung!

Minh chú “Om Ma-Ni Pad-Me Hung!” là tâm chú của đức Quan Thế Âm, Đấng Đại Bi

Trong tiếng Sanskrit, từ Avalokan nghĩa là “nhìn bằng đôi mắt liên hoa”, hay còn có nghĩa “nhìn bằng đôi mắt từ bi và trí tuệ”, dõi theo chúng sinh. Isvara có nghĩa là “Đấng”. Câu minh chú có thể được giải thích theo nhiều cách, nhưng ở đây, chúng ta chỉ tập trung vào hai điểm mấu chốt, qua từ và chủng tự.

(i) Đầu tiên, nghĩa của các từ: từ Om bao gồm ba chủng tự Ah, U và Ma. Ba chủng tự này đại diện cho Thân, Ngữ và Tâm của Hàng ngàn vị Phật. Ba chủng tự này được viết cùng với nhau và được phát âm thành “Om”, để nhấn mạnh rằng đức Quan Thế Âm là bất khả phân-hiện thân của Thân, Ngữ và Tâm của tất cả chư Phật. Qua thực hành, thân, ngữ và tâm mê mờ của một hành giả sẽ được chuyển biến thành Thân, Ngữ và Tâm tuyệt hảo của đức Quan Thế Âm.

Từ Mani có nghĩa “Đá quý” hay “Ngọc Như-Ý”, điều này muốn chỉ ra rằng đức Quan Thế Âm có một trái tim tràn đầy tình yêu thương và bi mẫn, tựa như đá quý có thể hoàn thiện mọi nguyện ước của chúng hữu tình. Hai tay giữa chấp lại nơi tim mang Ngọc, như một biểu tượng. Đó là phương diện của “Phương tiện”

“Padme” có nghĩa là hoa sen. Đức Quan Âm mang một hoa sen trong tay trái bên trên, có nghĩa, khi mặt trời rọi những tia sáng vào bông sen, hoa sen sẽ nở, bóng tối sẽ biến mất và chúng sinh sẽ nhận thấy được bản chất của chân lý. Điều này cũng cho thấy, khi những sự gia trì tỏa ra từ vị Đạo sư, sẽ xua tan những vô minh trong tâm trí chúng ta, cho phép bông sen của trái tim chúng ta hé nở. Và cũng có nghĩa là yên bình, là tinh khiết. Đó là khía cạnh của “trí tuệ”

Chủng tự “Hung” đứng là sự kết nguyện nhằm hoàn thiện trạng thái của đức Quan Thế Âm nhờ sự hợp nhất của Phương tiện và Trí tuệ. Như một biểu tượng, Người mang chuỗi tràng pha lê trong tay phải phía trên, có nghĩa với pha lê-động cơ trong sáng, chúng ta có thể thành tựu đức Quán Thế Âm vì lợi lạc của mọi chúng sinh. Pha lê đại diện cho Trí tuệ, và chuỗi tràng đại diện cho Phương tiện.

(ii) Thứ hai, ý nghĩa của sáu chủng tự:

- a) Trong minh chú này có sáu chủng tự, chỉ ra sáu cõi của chúng sinh. Nhằm phát khởi tâm bi mẫn, hành giả cần quán chiếu về bản chất của khổ đau nơi sáu cõi, mà nền tảng tạo ra do Sáu loại Vô Minh.
- b) Để phát khởi một tâm tràn đầy thương yêu và bi mẫn, sáu chủng tự này được áp dụng với Sáu Ba La Mật (Sáu điều toàn hảo), Bồ thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền và Trí Tuệ.
- c) Đây còn là cách đưa vào thực hành áp dụng cho Lục Căn của chúng ta. Vì chúng ta nhận được những hiểu biết qua các căn của mình, trải nghiệm hạnh phúc hay đau khổ tùy thuộc vào những hành động thiện lành hay bất thiện, các căn là những ô cửa dẫn ta tới Hiểu biết hay Vô Minh, Niết bàn hay Luân hồi. Cuối cùng, nhờ sự thực hành Sáu Trí tuệ, và Sáu Vị Phật sẽ trở. Đó là quả.

Nhìn chung, toàn bộ tám vạn bốn ngàn pháp môn của đức Phật được phản ánh trong câu minh chú nhỏ bé này.

Sarvamangalam.

Soạn bởi Kinley theo thỉnh cầu của những người bạn ngày 7 tháng 5 năm 2010 tại văn phòng của tổ
đòng H.H. Drikung Kyabgon